TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2026/LĐ-ST Ngày 16-6-2026 V/v tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Mé

Ông Đặng Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Phan Sâm Rin – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2026/TLST-LĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

2. Công ty TNHH I. Địa chỉ trụ sở: Lô A, Đường số A, khu chế xuất T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội cơ sở T1. Địa chỉ: Số A H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị T là em chồng của bà. Năm 2006, bà T đã mượn giấy tờ tùy thân của bà, trong đó có chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH I (địa chỉ trụ sở: Lô AN57, Đường số A, khu chế xuất T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và tham gia bảo hiểm theo Sổ bảo hiểm số 0206155901 từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009. Trong cùng khoảng thời gian nêu trên thì bà cũng tham gia bảo hiểm và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội số 0206139198 khi bà làm việc tại Công ty TNHH Q (địa chỉ: Khu chế xuất T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Do có hai Sổ bảo hiểm xã hội đều đứng tên Nguyễn Thị Y. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu:

- Vô hiệu Hợp đồng lao động được ký giữa bà Nguyễn Thị T (tên trong hợp đồng là Nguyễn Thị Y) với Công ty TNHH I thời gian từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009.

- Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901 mang tên Nguyễn Thị Y làm việc tại Công ty TNHH I, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 thành tên Nguyễn Thị T.

Đồng thời do bận công việc nên bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp, bà tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Y. Bà thừa nhận do mất giấy tờ tuỳ thân nên bà có mượn bà Y chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH I, hiện nay bà đã nghỉ việc tại Công ty này. Bà vẫn chưa được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định nhưng bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nay bà Y khởi kiện thì bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Đồng thời do bận công việc nên đề nghị Toà án các cấp giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Bảo hiểm xã hội không có yêu cầu gì và sẽ thực hiện đầy đủ phán quyết của Tòa nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của người tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 có văn bản xin vắng mặt.

Bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 14 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố Hợp đồng lao động được ký giữa giữa bà Nguyễn Thị T (tên trong hợp đồng là Nguyễn Thị Y) với Công ty TNHH I thời gian từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009; Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901 mang tên Nguyễn Thị Y làm việc tại Công ty TNHH I, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 thành tên Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã theo Điều 32, Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú tại xã C nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 có văn bản xin vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH I đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ tất cả các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[4] Bà Nguyễn Thị T có mượn giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Y để nộp hồ sơ làm việc tại Công ty TNHH I vào năm 2006, sau đó bà T ký kết hợp đồng lao động và làm việc dưới tên bà Y. Quá trình làm việc bà T được tham gia đóng bảo hiểm từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901. Trong cùng khoảng thời gian nêu trên thì bà Y cũng tham gia bảo hiểm và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội 0206139198 tại Công ty TNHH Q. Do đó có

căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 04/2006 đến tháng 01/2009 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH I là bà Nguyễn Thị T, không phải bà Nguyễn Thị Y. Việc bà T sử dụng giấy tờ, thông tin của bà Y để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH I là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006. Do đó việc bà Y yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T (trên hợp đồng ghi tên bà Y) với Công ty TNHH I vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Bà Y yêu cầu điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901 mang tên Nguyễn Thị Y thành Nguyễn Thị T. Xét thấy người lao động thực sự tại Công ty TNHH I thời gian từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009 là bà Nguyễn Thị T chứ không phải bà Nguyễn Thị Y nên việc tham gia bảo hiểm theo Sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901 mang tên Nguyễn Thị Y là không phù hợp, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Y, điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901 cấp cho bà Nguyễn Thị Y do Công ty TNHH I nộp từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 thành tên bà Nguyễn Thị T. Các đương sự khác vắng mặt không có yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Y là có cơ sở nên được chấp nhận như ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Y tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, 33, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 132 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 14 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH I.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T (trên hợp đồng ghi tên bà Nguyễn Thị Y) với Công ty TNHH I vô hiệu.

- Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 0206155901 cấp cho bà Nguyễn Thị Y do Công ty TNHH I nộp từ tháng 4/2006 đến tháng 01/2009 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở T1, Thành phố Hồ Chí Minh thành tên Nguyễn Thị T.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động không có giá ngạch. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005165 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Y đã nộp xong.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Minh Hiếu – Đặng Văn Vững	**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**